

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT
Về trình tự cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nguyên tắc thực hiện việc cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

2. Bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu được bầu hoặc ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu đã chuyển đến sinh hoạt.

3. Tính đến ngày tổ chức bỏ phiếu bãi nhiệm, công dân Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ mười tám tuổi trở lên thì có quyền bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tại đơn vị bầu cử nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú.

4. Cuộc bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được công nhận hợp lệ khi có quá nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri tại đơn vị bầu cử tham gia bỏ phiếu.

5. Ngày bỏ phiếu phải là ngày chủ nhật và được công bố chậm nhất là 60 ngày trước ngày bỏ phiếu bãi nhiệm.

6. Trong trường hợp đến ngày bỏ phiếu mà dịch bệnh bùng phát phải cách ly xã hội, thiên tai, bão lũ dẫn đến địa hình bị chia cắt thì các tổ chức phụ trách bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định việc đưa ra đề cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định phương án tổ chức bỏ phiếu tại các khu vực này.

Điều 2. Thẩm quyền quyết định đề cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc đưa ra đề cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và công bố ngày bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 3. Trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Khi xét thấy đại biểu Hội đồng nhân dân không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi văn bản đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân chỉ đạo Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân cấp mình xây dựng hồ sơ về việc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình trình Thường trực Hội đồng nhân dân. Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp;
- b) Tiểu sử của đại biểu Hội đồng nhân dân bị đưa ra bãi nhiệm;
- c) Các văn bản liên quan khác (nếu có).

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận, xem xét, ban hành Nghị quyết về việc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

4. Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân phải được kịp thời gửi đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) hoặc Ủy ban nhân dân huyện (nơi không tổ chức đơn vị hành chính xã, thị trấn).

Điều 4. Đơn vị bãi nhiệm và khu vực bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Đơn vị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân (sau đây gọi là đơn vị bãi nhiệm) là đơn vị bầu cử nơi đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu hoặc là đơn vị bầu cử nơi đại biểu Hội đồng nhân dân đã chuyển đến sinh hoạt.

2. Đơn vị bãi nhiệm được chia thành các khu vực bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân (sau đây gọi là khu vực bỏ phiếu).

3. Việc xác định khu vực bỏ phiếu, thẩm quyền quyết định khu vực bỏ phiếu thực hiện như quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 11 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Chậm nhất là 55 ngày trước ngày bỏ phiếu bãi nhiệm, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân huyện (nơi không tổ chức đơn vị hành chính xã, thị trấn) phải ban hành quyết định xác định các khu vực bỏ phiếu.

Chương II

CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BÃI NHIỆM ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 5. Các tổ chức phụ trách bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Ban tổ chức bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được thành lập ở đơn vị bãi nhiệm.

2. Tổ công tác bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được thành lập ở khu vực bỏ phiếu.

Điều 6. Việc thành lập, cơ cấu, thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban tổ chức bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất là 50 ngày trước ngày bỏ phiếu bãi nhiệm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã sau khi thông nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, quyết định thành lập Ban tổ chức bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình, gồm đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và đại diện cử tri ở địa phương.

2. Số lượng Ban tổ chức bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có từ 09 đến 11 thành viên; số lượng Ban tổ chức bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã có từ 07 đến 09 thành viên.

3. Ban tổ chức bãi nhiệm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các ủy viên.

4. Ban tổ chức bãi nhiệm có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bãi nhiệm của các Tổ công tác bãi nhiệm thuộc đơn vị bãi nhiệm;

b) Chỉ đạo thực hiện công tác thông tin truyền thông, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương;

c) Chỉ đạo, kiểm tra việc lập, niêm yết danh sách cử tri và việc niêm yết danh sách người bị đề nghị bãi nhiệm ở các Tổ công tác bãi nhiệm;

d) Nhận tài liệu, phiếu bãi nhiệm từ Ủy ban nhân dân cùng cấp và phân phối cho các Tổ công tác bãi nhiệm chậm nhất là 15 ngày trước ngày bỏ phiếu;

đ) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu và công việc bãi nhiệm ở các phòng bỏ phiếu;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bãi nhiệm của Tổ công tác bãi nhiệm; những khiếu nại, tố cáo về bãi nhiệm do Tổ công tác bãi nhiệm chuyển đến;

g) Nhận, kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bãi nhiệm của các Tổ công tác bãi nhiệm; tổng hợp và lập biên bản xác định kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm;

h) Báo cáo tình hình tổ chức bãi nhiệm, chuyển hồ sơ, tài liệu về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp có đại biểu bị bãi nhiệm.

Điều 7. Việc thành lập, cơ cấu, thành phần Tổ công tác bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất là 45 ngày trước ngày bỏ phiếu bãi nhiệm, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ công tác bãi nhiệm từ 09 đến 11 người, gồm đại diện của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đại diện cử tri.

Đối với huyện không tổ chức đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ công tác bãi nhiệm từ 09 đến 11 người, gồm đại diện của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đại diện cử tri.

Đối với phường không tổ chức Hội đồng nhân dân thì Ủy ban nhân dân phường sau khi thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ công tác bãi nhiệm từ 09 đến 11 người, gồm đại diện của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đại diện cử tri.

Đơn vị vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng được thành lập một Tổ công tác bãi nhiệm từ 05 đến 09 người, gồm đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị đó.

2. Đối với đơn vị bãi nhiệm chỉ có một khu vực bỏ phiếu thì vẫn thành lập Ban tổ chức bãi nhiệm và Tổ công tác bãi nhiệm riêng. Thành viên Ban tổ chức bãi nhiệm có thể tham gia làm thành viên Tổ công tác bãi nhiệm.

3. Tổ công tác bãi nhiệm có Tổ trưởng, Thư ký và các ủy viên.

4. Tổ công tác bãi nhiệm có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Phụ trách công tác bỏ phiếu bãi nhiệm ở khu vực bỏ phiếu bãi nhiệm;

b) Bố trí phòng bỏ phiếu, chuẩn bị hòm phiếu;

c) Nhận tài liệu và phiếu bãi nhiệm từ Ban tổ chức bãi nhiệm; phát thẻ cử tri, phiếu bãi nhiệm có đóng dấu của Tổ công tác bãi nhiệm cho cử tri;

d) Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bỏ phiếu, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 07 ngày trước ngày bỏ phiếu bãi nhiệm;

đ) Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật liên quan và nội quy phòng bỏ phiếu bãi nhiệm;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ công tác bãi nhiệm quy định tại Điều này; nhận và chuyển đến Ban tổ chức bãi nhiệm những khiếu nại, tố cáo khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổ công tác bãi nhiệm;

g) Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu bãi nhiệm để gửi đến Ban tổ chức bãi nhiệm;

h) Chuyển biên bản kết quả kiểm phiếu bãi nhiệm và toàn bộ phiếu bãi nhiệm đến Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân huyện (nơi không tổ chức đơn vị hành chính xã, thị trấn) sau khi kết thúc việc kiểm phiếu.

i) Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bỏ phiếu với Ban tổ chức bãi nhiệm.

Điều 8. Nguyên tắc hoạt động và thời điểm kết thúc nhiệm vụ của các tổ chức phụ trách bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Ban tổ chức bãi nhiệm, Tổ công tác bãi nhiệm làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham dự. Các quyết định của Ban tổ chức bãi nhiệm, Tổ công tác bãi nhiệm được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

2. Trường hợp thành viên các tổ chức phụ trách bãi nhiệm bị chết, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kỷ luật hoặc vì lý do khác dẫn đến khuyết thành viên tổ chức phụ trách bãi nhiệm thì căn cứ tình hình cụ thể, Ủy ban nhân dân sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thay đổi, bổ sung thành viên tổ chức phụ trách bãi nhiệm ở cấp mình trước ngày bỏ phiếu.

3. Ban tổ chức bãi nhiệm, Tổ công tác bãi nhiệm kết thúc nhiệm vụ khi cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 2 Nghị quyết này ban hành Nghị quyết xác nhận kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Mẫu dấu của các tổ chức phụ trách bãi nhiệm thực hiện theo phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết này.

Điều 9. Những trường hợp không được tham gia vào các tổ chức phụ trách bãi nhiệm

Đại biểu Hội đồng nhân dân bị đưa ra bãi nhiệm, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của đại biểu Hội đồng nhân dân bị đưa ra bãi nhiệm không được làm thành viên các tổ chức phụ trách bãi nhiệm.

Chương III

DANH SÁCH CỬ TRI BÃI NHIỆM ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 10. Nguyên tắc lập danh sách cử tri

1. Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị quyết này.

2. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

3. Cử tri là người tạm trú mà thời gian đăng ký tạm trú tại đơn vị bãi nhiệm chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh cử tri để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện nơi tạm trú hoặc đóng quân.

4. Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc đến Ủy ban nhân dân huyện tại nơi không tổ chức đơn vị hành chính xã, thị trấn), xuất trình hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

5. Thẩm quyền lập danh sách cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện như quy định tại Điều 31 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 11. Những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri

1. Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

2. Người thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri.

3. Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị

hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri ở nơi thường trú mới nếu nơi thường trú mới vẫn nằm trong khu vực thuộc đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Cử tri là người bị tạm giam, tạm giữ, người chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu đến trước thời điểm bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú để bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

5. Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân huyện (nơi không tổ chức đơn vị hành chính xã, thị trấn) xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri.

Điều 12. Niêm yết danh sách cử tri và khiếu nại về danh sách cử tri

1. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày bỏ phiếu, cơ quan lập danh sách cử tri niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân huyện (nơi không tổ chức đơn vị hành chính xã, thị trấn) và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra.

2. Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu phát hiện có sai sót thì trong thời gian 20 ngày kể từ ngày niêm yết, công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh sách cử tri. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại đó. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 13. Bỏ phiếu ở nơi khác

Từ khi niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bỏ phiếu, nếu cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân huyện (nơi không tổ chức đơn vị hành chính xã, thị trấn) nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu tại nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu nếu vẫn thuộc khu vực đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

Chương IV

CÔNG TÁC THÔNG TIN VÀ HỘI NGHỊ CỬ TRI BÃI NHIỆM ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 14. Công tác thông tin về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Ban tổ chức bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo cơ quan thông tin, báo chí ở địa phương đưa tin về việc tổ chức đề cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày bỏ phiếu, Tổ công tác bãi nhiệm niêm yết danh sách kèm lý lịch trích ngang của đại biểu Hội đồng nhân dân bị đề nghị bãi nhiệm và lý do đề nghị bãi nhiệm tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân huyện (nơi không tổ chức đơn vị hành chính xã, thị trấn) và những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu.

3. Những hành vi bị nghiêm cấm trong việc tổ chức bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân:

a) Lợi dụng việc tổ chức bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân;

b) Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong tổ chức bãi nhiệm;

c) Sử dụng hoặc hứa tặng, cho, ủng hộ tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất để lôi kéo, mua chuộc cử tri.

Điều 15. Tổ chức Hội nghị cử tri

1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày bỏ phiếu, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân ở đơn vị bãi nhiệm tổ chức Hội nghị cử tri để thông báo và trao đổi, thảo luận về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Chậm nhất là 15 ngày trước ngày bỏ phiếu, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức Hội nghị cử tri để thông báo và trao đổi, thảo luận về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

2. Hội nghị cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được tổ chức ở xã, phường, thị trấn; Hội nghị cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được tổ chức ở thôn, tổ dân phố.

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân huyện (nơi không tổ chức đơn vị hành chính xã, thị trấn) nơi tổ chức hội nghị cử tri có trách nhiệm thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị để cử tri tham dự đông đủ.

3. Thành phần tham dự Hội nghị cử tri gồm đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp có đại biểu

Hội đồng nhân dân bị đề nghị bãi nhiệm; đại diện Ban tổ chức bãi nhiệm; đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân huyện (nơi không tổ chức đơn vị hành chính xã, thị trấn) nơi tổ chức hội nghị và cử tri địa phương.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân bị đề nghị cử tri bãi nhiệm được quyền tham dự và trình bày ý kiến tại hội nghị cử tri, trừ trường hợp đại biểu đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật.

5. Chương trình hội nghị cử tri gồm các nội dung sau:

a) Tuyên bố lý do, giới thiệu chủ trì hội nghị và thư ký ghi biên bản hội nghị;
b) Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị cử tri chủ trì, trình bày nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân về việc cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân; tiêu sử tóm tắt đại biểu Hội đồng nhân dân bị đưa ra bãi nhiệm;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân bị đề nghị cử tri bãi nhiệm được quyền giải trình và phát biểu ý kiến trước hội nghị cử tri;

d) Cử tri nêu ý kiến và nêu câu hỏi về việc bãi nhiệm đại biểu. Hội nghị trao đổi dân chủ, thẳng thắn và cởi mở về những vấn đề cùng quan tâm;

đ) Người chủ trì hội nghị phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị cử tri.

6. Biên bản hội nghị cử tri được lưu trữ cùng các tài liệu liên quan trong hồ sơ bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

Chương V

NGUYÊN TẮC VÀ TRÌNH TỰ BỎ PHIẾU

BÃI NHIỆM ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 16. Nguyên tắc bỏ phiếu bãi nhiệm

1. Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu. Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Cử tri phải tự mình đi bỏ phiếu bãi nhiệm, không được nhờ người khác bỏ phiếu thay, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này; khi bỏ phiếu bãi nhiệm phải xuất trình thẻ cử tri.

3. Cử tri không thể tự viết được phiếu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bãi nhiệm của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

4. Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật hoặc phải cách ly do yêu cầu công tác phòng chống dịch, bệnh mà không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ công tác bãi nhiệm mang hòm phiếu phụ và phiếu bãi nhiệm đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu và thực hiện việc bỏ phiếu bãi nhiệm. Đối

với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ công tác bãi nhiệm mang hòm phiếu phụ và phiếu bãi nhiệm đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu và thực hiện việc bãi nhiệm.

5. Khi cử tri viết phiếu bãi nhiệm, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ công tác bãi nhiệm. Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bãi nhiệm khác.

6. Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ công tác bãi nhiệm có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào thẻ cử tri.

Điều 17. Bố trí địa điểm bỏ phiếu, nội quy khu vực bỏ phiếu và mẫu phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất ở địa phương và căn cứ mật độ phân bố dân cư ở khu vực bỏ phiếu, Tổ công tác bãi nhiệm lựa chọn địa điểm bỏ phiếu cho phù hợp, bảo đảm thuận tiện để cử tri đến bỏ phiếu. Địa điểm bỏ phiếu phải được trang trí trang nghiêm, tiết kiệm, bảo đảm an ninh, trật tự; bố trí lối vào cho cử tri bỏ phiếu và lối ra cho cử tri sau khi đã bỏ phiếu xong.

2. Tổ công tác bãi nhiệm có trách nhiệm niêm yết Nội quy khu vực bỏ phiếu. Nội quy khu vực bỏ phiếu gồm các nội dung sau đây:

- a) Phải chấp hành đúng nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu;
- b) Cử tri phải xếp hàng lần lượt để thực hiện việc bỏ phiếu; ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật và phụ nữ có thai;
- c) Phải giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn tại khu vực bỏ phiếu;
- d) Không được vận động, đe dọa tại nơi bỏ phiếu dưới bất kỳ hình thức nào;
- đ) Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu;
- e) Những người không có nhiệm vụ thì không được vào phòng bỏ phiếu;
- g) Thành viên của các tổ chức phụ trách bỏ phiếu, những người có nhiệm vụ phục vụ bỏ phiếu phải đeo phù hiệu theo mẫu do Ban tổ chức bãi nhiệm quy định; thành viên Tổ công tác bãi nhiệm có trách nhiệm hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và giải đáp thắc mắc của cử tri;

h) Người nào dùng thủ đoạn đe dọa, lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bỏ phiếu của cử tri, vi phạm các quy định về bỏ phiếu bãi nhiệm; người có trách nhiệm trong công tác bãi nhiệm mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bỏ phiếu hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Mẫu phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo mẫu số 02 kèm theo Nghị quyết này.

Điều 18. Thông báo về thời gian bỏ phiếu, nơi bỏ phiếu

Trong thời hạn 05 ngày trước ngày bỏ phiếu, Tổ công tác bãi nhiệm phải thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bỏ phiếu, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương.

Điều 19. Thời gian bỏ phiếu bãi nhiệm

1. Việc bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân bắt đầu từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ công tác bãi nhiệm có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối cùng ngày.

2. Trước khi bỏ phiếu, Tổ công tác bãi nhiệm phải kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

3. Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ công tác bãi nhiệm phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bỏ phiếu, kịp thời báo cáo cho Ban tổ chức bãi nhiệm, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

4. Trường hợp chưa kết thúc thời gian bỏ phiếu, nhưng nếu tất cả cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ công tác bãi nhiệm kết thúc việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu.

5. Trường hợp đặc biệt cần hoãn cuộc bỏ phiếu thì Tổ công tác bãi nhiệm dừng cuộc bỏ phiếu; kịp thời báo cáo Ban tổ chức bãi nhiệm để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 2 Nghị quyết này quyết định việc đưa ra đề cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Điều 20. Việc kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ công tác bãi nhiệm phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bãi nhiệm không sử dụng đến và mời hai cử tri chứng kiến việc kiểm phiếu. Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người được ủy nhiệm của người bị đề nghị bãi nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu. Các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu.

Điều 21. Phiếu bãi nhiệm không hợp lệ

1. Những phiếu bãi nhiệm sau đây là phiếu không hợp lệ:

a) Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ công tác bãi nhiệm phát ra;

b) Phiếu không có dấu của Tổ công tác bãi nhiệm;

c) Phiếu tích vào cả hai ô đồng ý và không đồng ý hoặc phiếu không tích vào cả hai ô đồng ý và không đồng ý;

- d) Phiếu gạch xóa hết họ và tên người đề nghị bãi nhiệm;
- đ) Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

2. Trường hợp có phiếu bãi nhiệm được cho là không hợp lệ thì Tổ trưởng Tổ công tác bãi nhiệm đưa ra để toàn Tổ xem xét, quyết định.

Điều 22. Khiếu nại, tố cáo về kiểm phiếu

Những khiếu nại, tố cáo tại chỗ về những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong việc kiểm phiếu do Tổ công tác bãi nhiệm nhận, giải quyết và ghi nội dung giải quyết vào biên bản.

Trường hợp Tổ công tác bãi nhiệm không giải quyết được thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ công tác bãi nhiệm vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban tổ chức bãi nhiệm.

Điều 23. Biên bản kết quả kiểm phiếu ở khu vực bỏ phiếu bãi nhiệm

1. Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ công tác bãi nhiệm phải lập Biên bản kết quả kiểm phiếu bãi nhiệm tại khu vực bỏ phiếu. Biên bản kết quả kiểm phiếu có các nội dung sau:

- a) Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu;
- b) Số cử tri tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ phần trăm;
- c) Số phiếu phát ra;
- d) Số phiếu thu vào, tỷ lệ phần trăm;
- đ) Số phiếu hợp lệ, tỷ lệ phần trăm;
- e) Số phiếu không hợp lệ, tỷ lệ phần trăm;
- g) Số phiếu đồng ý bãi nhiệm, tỷ lệ phần trăm;
- h) Số phiếu không đồng ý bãi nhiệm, tỷ lệ phần trăm;
- i) Những khiếu nại, tố cáo nhận được; những khiếu nại, tố cáo đã giải quyết và kết quả giải quyết; những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ban tổ chức bãi nhiệm.

2. Mẫu Biên bản kết quả kiểm phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tại khu vực bỏ phiếu thực hiện theo phụ lục số 03 kèm theo Nghị quyết này.

3. Biên bản quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành 03 bản, có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ công tác bãi nhiệm và 02 cử tri được mời chứng kiến việc kiểm phiếu. Biên bản được gửi đến Ban tổ chức bãi nhiệm để tổng hợp và gửi đến Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện (nơi không tổ chức đơn vị hành chính xã, thị trấn) chậm nhất là 02 ngày sau ngày bỏ phiếu bãi nhiệm để lưu trữ theo quy định.

Điều 24. Biên bản xác định kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm

1. Sau khi nhận, kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu của các Tổ công tác bãi nhiệm, Ban tổ chức bãi nhiệm tổng hợp, lập biên bản xác định kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm ở đơn vị bãi nhiệm.

2. Biên bản xác định kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm gồm các nội dung sau:

- a) Tổng số cử tri của đơn vị bãi nhiệm;
- b) Số cử tri tham gia bỏ phiếu; tỷ lệ phần trăm;
- c) Số phiếu phát ra;
- d) Số phiếu thu vào; tỷ lệ phần trăm;
- đ) Số phiếu hợp lệ; tỷ lệ phần trăm;
- e) Số phiếu không hợp lệ; tỷ lệ phần trăm;
- g) Số phiếu đồng ý bãi nhiệm; tỷ lệ phần trăm;
- h) Số phiếu không đồng ý bãi nhiệm; tỷ lệ phần trăm;

i) Những khiếu nại, tố cáo do Tổ công tác bãi nhiệm giải quyết; những khiếu nại, tố cáo do Ban tổ chức bãi nhiệm giải quyết (nếu có).

3. Mẫu Biên bản xác định kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tại khu vực bỏ phiếu thực hiện theo phụ lục số 04 kèm theo Nghị quyết này.

4.

Phương án 1: Đại biểu Hội đồng nhân dân bị bãi nhiệm khi có ít nhất hai phần ba tổng số phiếu hợp lệ của cử tri ở đơn vị bãi nhiệm đồng ý bãi nhiệm.

Phương án 2: Đại biểu Hội đồng nhân dân bị bãi nhiệm khi có quá nửa tổng số phiếu hợp lệ của cử tri ở đơn vị bãi nhiệm đồng ý bãi nhiệm.

5. Biên bản xác định kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được lập thành 04 bản, có chữ ký của Trưởng ban, Thư ký Ban tổ chức bãi nhiệm và được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân cấp trên, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chậm nhất là 03 ngày sau ngày bỏ phiếu bãi nhiệm.

Đối với việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì Biên bản xác định kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm được gửi đến Ủy ban thường vụ Quốc hội chậm nhất là 03 ngày sau ngày bỏ phiếu bãi nhiệm.

Điều 25. Xác nhận và công bố kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Trên cơ sở Biên bản kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm do Ban tổ chức bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân gửi đến, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết xác nhận kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân, công bố Nghị quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Mẫu Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân xác nhận kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo phụ lục số 05 kèm theo Nghị quyết này.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân bị đưa ra cử tri bãi nhiệm chấm dứt nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân kể từ thời điểm Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân xác nhận kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp cuộc bỏ phiếu có vi phạm pháp luật nghiêm trọng thì Thường trực Hội đồng nhân dân tự mình hoặc theo đề nghị của Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban tổ chức bãi nhiệm cùng cấp hủy bỏ kết quả cuộc bỏ phiếu và quyết định ngày bỏ phiếu lại ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bỏ phiếu đó.

Trường hợp bỏ phiếu lại thì ngày bỏ phiếu được tiến hành chậm nhất là 15 ngày sau ngày bỏ phiếu đầu tiên.

Điều 26. Giải quyết khiếu nại về kết quả bỏ phiếu

1. Khiếu nại về kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày Thường trực Hội đồng nhân dân công bố kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

3. Quyết định giải quyết khiếu nại của Thường trực Hội đồng nhân dân là quyết định cuối cùng.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ...

Điều 28. Việc bãi nhiệm người tham gia hai cấp cơ quan dân cử

1. Trường hợp người bị xem xét đưa ra cử tri bãi nhiệm là đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân một cấp thì trình tự, thủ tục bãi nhiệm thực hiện theo quy định của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự cử tri bãi nhiệm đại biểu Quốc hội.

2. Trường hợp người bị xem xét đưa ra cử tri bãi nhiệm là đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp thì tùy từng trường hợp cụ thể mà có thể tổ chức chung các tổ

chức phụ trách bãi nhiệm, nhưng trình tự, thủ tục bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân của từng cấp phải bảo đảm thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Điều 29. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo và hướng dẫn công tác tổ chức để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình; tiếp nhận đơn thư và chỉ đạo cơ quan hữu quan giải quyết những khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban tổ chức bãi nhiệm, Tổ công tác bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có trách nhiệm tuyên truyền, vận động và tổ chức để cử tri thực hiện quy định của pháp luật về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế có trách nhiệm tạo điều kiện để Ban tổ chức bãi nhiệm, Tổ công tác bãi nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

4. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Vương Đình Huệ